CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng

Ngày 28/06/2024	26,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.0%	**-**	**-0.2%**

DT thuần
Q2/24
821
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 821| 167502%
YoY: ▲ 659| 407%

LN thuần
Q2/24
162
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 279| 238%
YoY: ▲ 167| 3068%

LN sau thuế
Q2/24
125
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 246| 203%
YoY: ▲ 116| 1235%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
22.0%
YoY: +/-▲ 22264%

ROE (TTM)
Q2/24
1.2%
YoY: +/-▲ 1.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	19,050 - 33,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,192
Số lượng CPLH (CP)	609,851,995
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,186,495
Sở hữu nước ngoài	4.2%
Beta	1.24
EPS	152
P/E	175.0

DT thuần
6T 2024
822
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 463| 129%

LN thuần
6T 2024
44.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.7| -56.3%

LN sau thuế
6T 2024
3.96
tỷ VNĐ
YoY: ▼82.0| -95.4%

Cơ cấu cổ đông

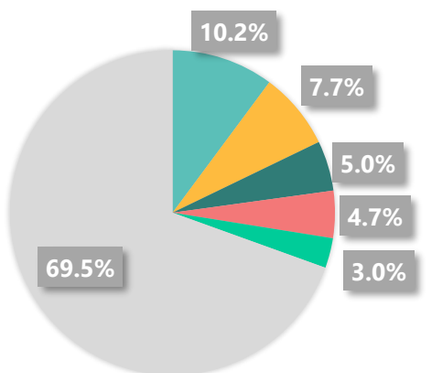

- Nguyễn Hùng Cường (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thiện Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Kinh doanh Địa Ốc Him Lam
- CTCP Đầu tư Phát triển Thiên Tân
- Nguyễn Thị Thanh Huyền (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

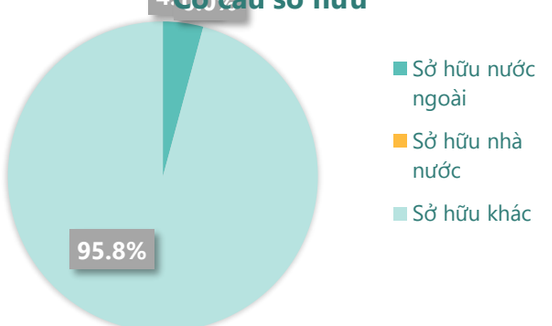

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

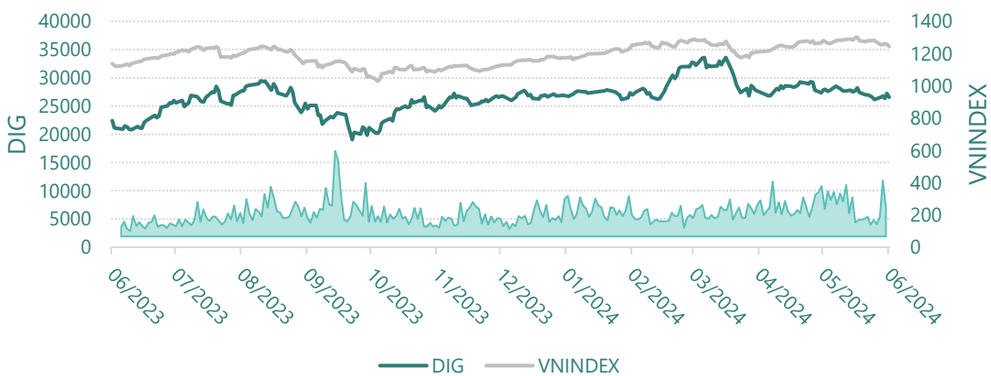

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

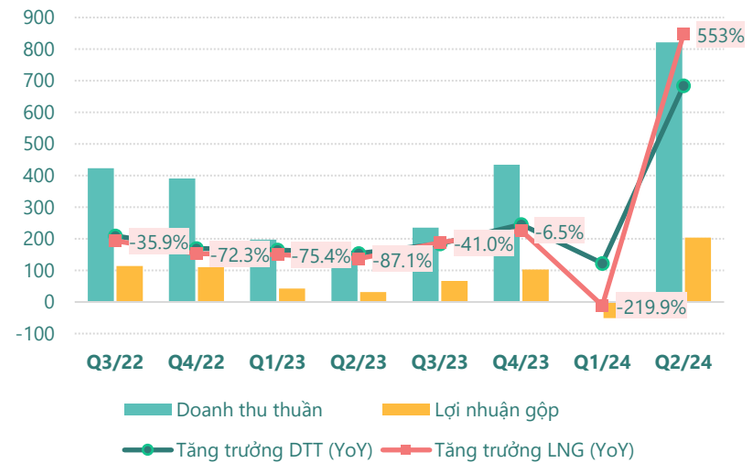

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

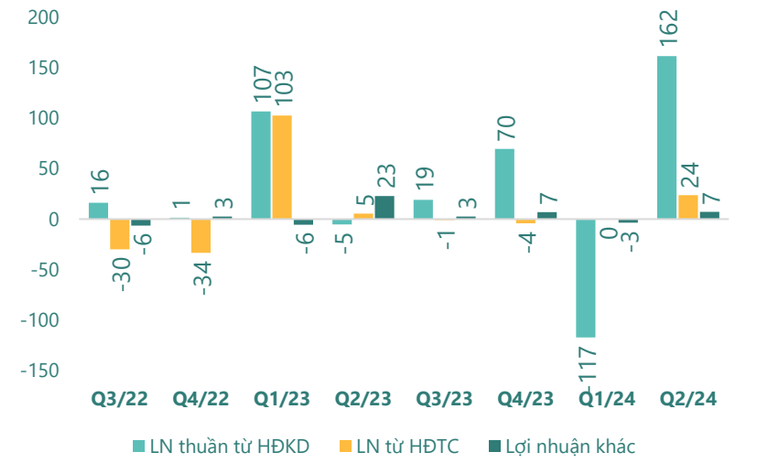

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

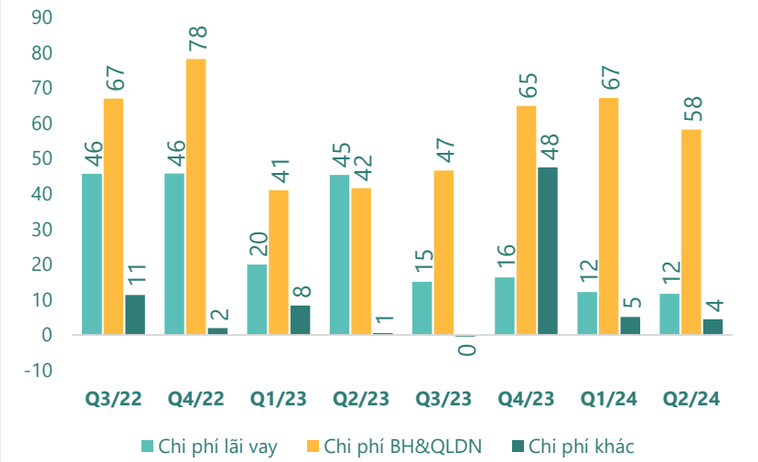

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

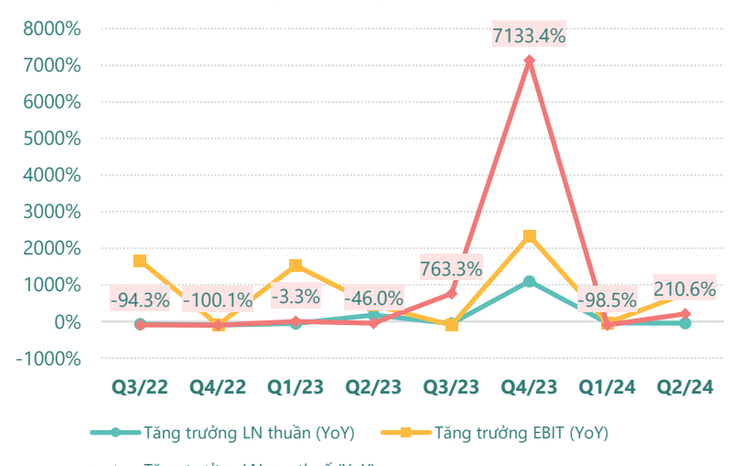

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

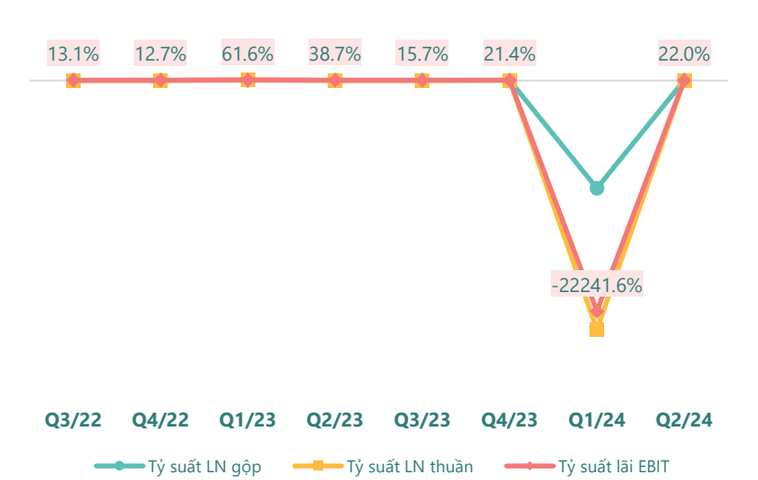

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

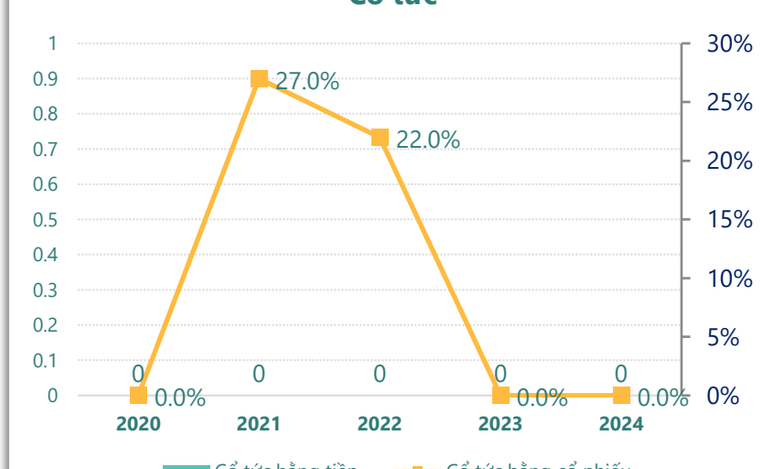

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

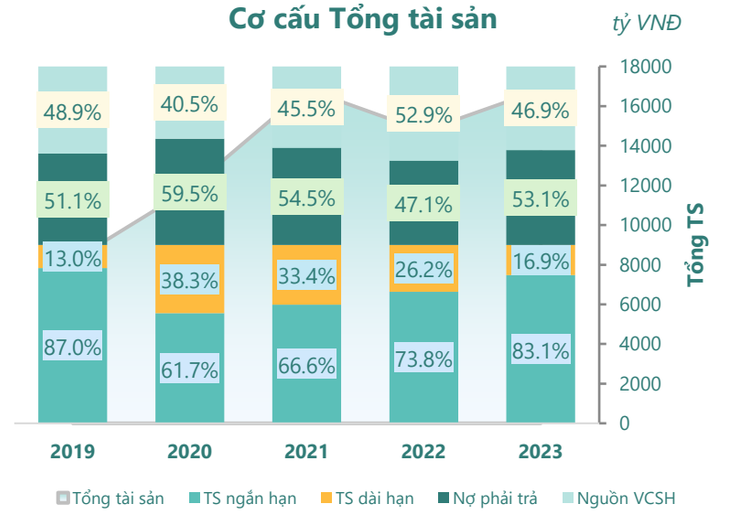

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

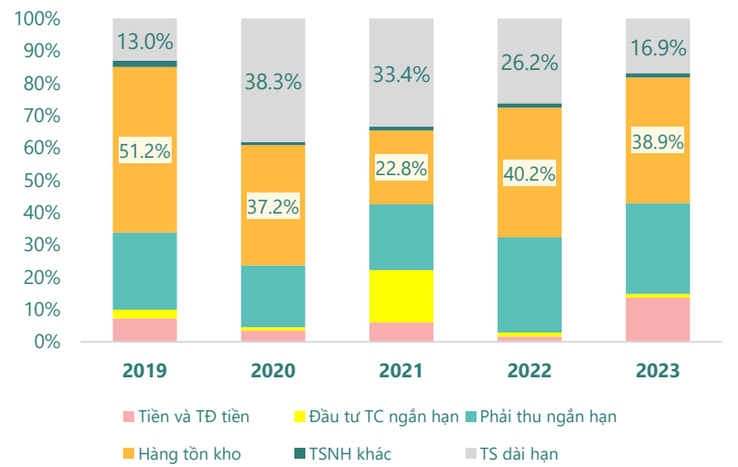

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

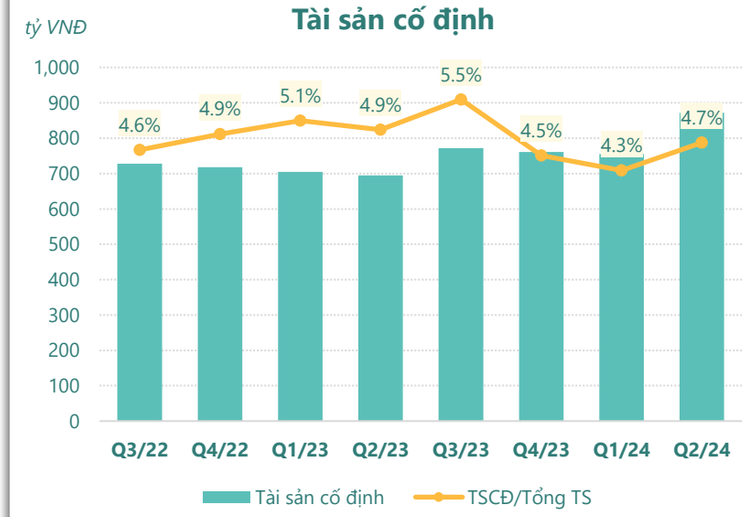

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

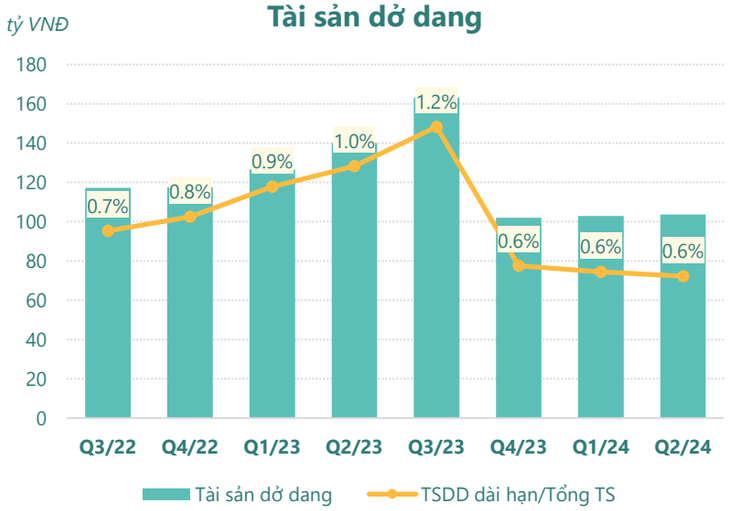

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

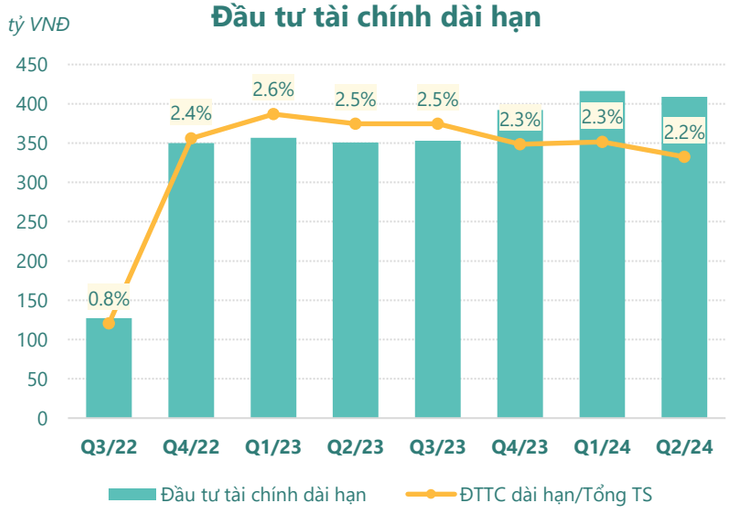

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

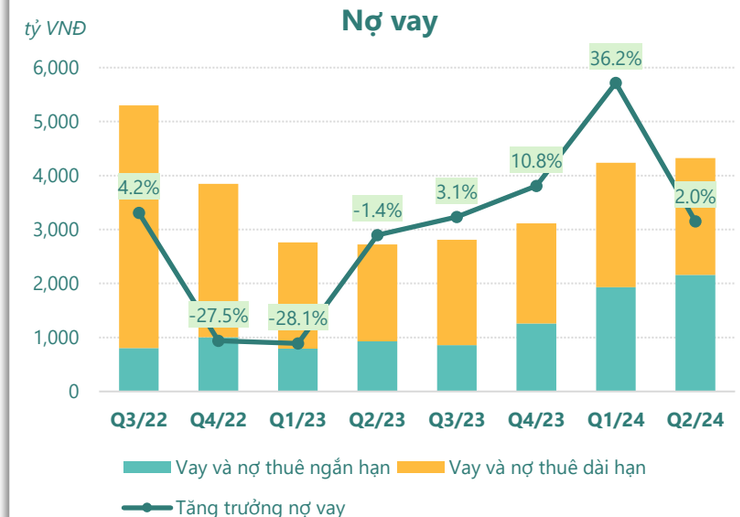

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

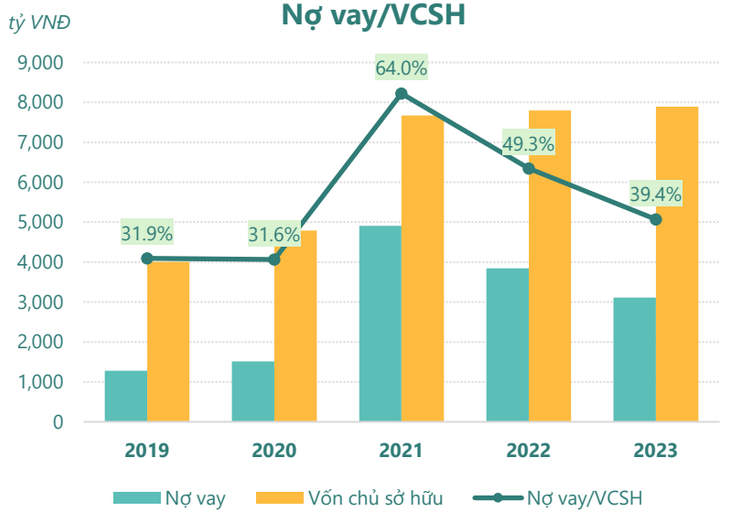

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

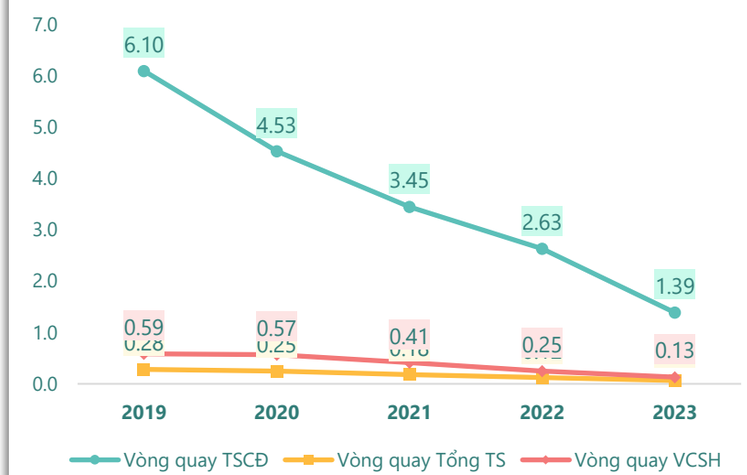

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

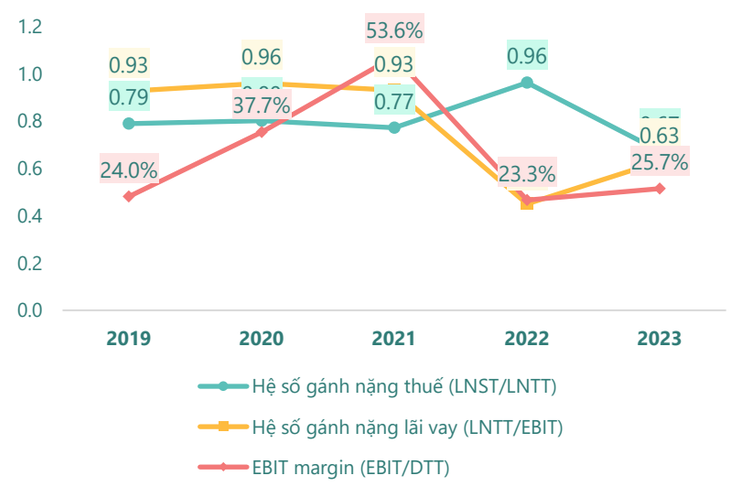

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

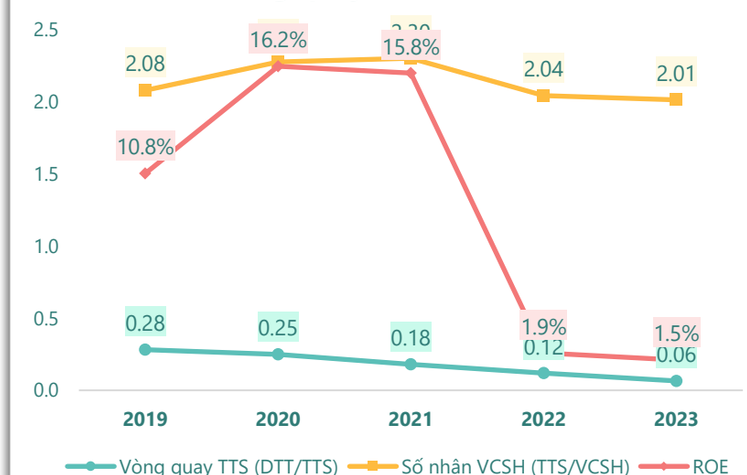

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

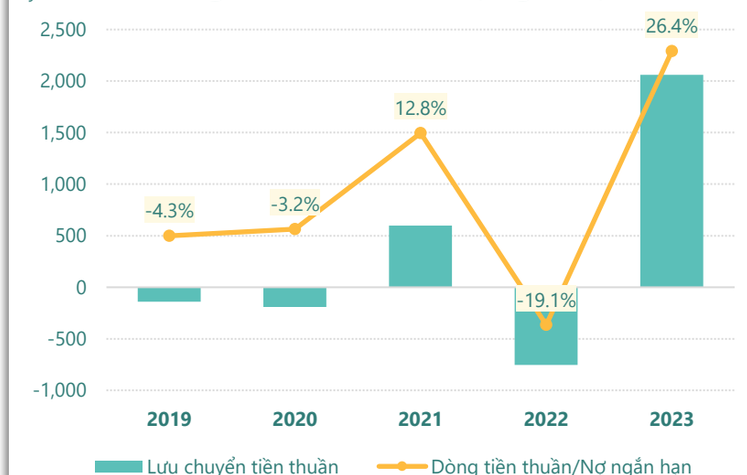

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**821**	**162**	**407%**	**822**	**359**	**129%**
Giá vốn hàng bán	618	131	372%	669	286	134%
Lợi nhuận gộp	204	31.2	552%	153	73.6	108%
Doanh thu HĐTC	15.5	28.6	-45.7%	27.5	199	-86.1%
Chi phí TC	-8.09	23.2	-135%	4.34	90.6	-95.2%
Chi phí lãi vay	11.6	45.3	-74.3%	23.8	65.3	-63.5%
LN trong công ty LKLD	**-7.19**	**-0.46**	**-1464%**	**-6.22**	**2.42**	**-357%**
Chi phí bán hàng	13.1	9.05	44.9%	26.9	19.1	41.0%
Chi phí QLDN	**45.1**	**32.5**	**38.9%**	**98.5**	**63.6**	**55.0%**
LN thuần từ HĐKD	162	-5.45	3068%	44.3	101	-56.3%
Lợi nhuận khác	**7.07**	**22.9**	**-69.1%**	**3.65**	**17.4**	**-79.0%**
LN trước thuế	169	17.5	865%	48.0	119	-59.6%
Lợi nhuận sau thuế	**125**	**9.38**	**1235%**	**3.96**	**86.0**	**-95.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**126**	**10.5**	**1104%**	**9.21**	**89.4**	**-89.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-75.4	-33.0	-16.8	1,850	-504	-706
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,143	22.5	-10.9	-103	-982	323
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,108	-42.0	84.9	351	1,121	40.4
Tiền đầu kỳ	246	205	153	210	2,307	1,943
Lưu chuyển tiền thuần	**-40.6**	**-52.6**	**57.2**	**2,097**	**-365**	**-343**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.03	0	0
Tiền cuối kỳ	205	153	210	2,307	1,943	1,600

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**18,445**	**16,828**	**9.6%**
Tài sản ngắn hạn	16,697	13,978	19.5%
Tiền và tương đương tiền	1,600	2,307	-30.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,375	197	599%
Phải thu ngắn hạn	5,845	4,705	24.2%
Hàng tồn kho	7,655	6,551	16.8%
Tài sản ngắn hạn khác	223	218	1.9%
Tài sản dài hạn	**1,747**	**2,850**	**-38.7%**
Phải thu dài hạn	80.0	1,381	-94.2%
Tài sản cố định	872	761	14.5%
Bất động sản đầu tư	112	113	-1.3%
Tài sản dở dang	104	102	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	409	335	22.0%
Tài sản dài hạn khác	**52.2**	**29.5**	**77.2%**
Lợi thế thương mại	119	127	-6.5%
Nợ phải trả	10,555	8,934	18.1%
Nợ ngắn hạn	**8,175**	**7,808**	**4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,159	2,150	0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	611	545	12.1%
Nợ dài hạn	2,381	1,126	111%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,166	961	125%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,889**	**7,894**	**-0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**7,889**	**7,894**	**-0.1%**
Vốn điều lệ	6,099	6,099	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)